

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mai Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	34.233.000,0	484.636.924,8	296.923.000,0	277.466.855,0	867,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.903.300,0	11.331.770,0	48.920.000,0	44.016.700,0	997,7
-	Thu NSDP hưởng 100%	125.000,0	611.010,0	38.023.000,0	37.898.000,0	30.418,4
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	4.778.300,0	10.720.760,0	10.897.000,0	6.118.700,0	228,1
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	29.329.700,0	466.679.735,5	247.003.000,0	232.450.155,0	842,2
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	14.552.845,0	216.819.509,4	247.003.000,0	232.450.155,0	1.697,3
2	Thu bổ sung có mục tiêu	14.776.855,0	249.860.226,1			
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		970.509,3			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.654.910,0			
VI	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang			1.000.000,0	1.000.000,0	
B	TỔNG CHI NSDP	34.233.000,0	484.636.924,8	296.923.000,0	262.914.010,0	867,4
I	Tổng chi cân đối NSDP	34.008.990,0	469.318.491,9	296.923.000,0	262.914.010,0	873,1
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên	33.317.990,0	465.917.491,9	290.985.000,0	257.667.010,0	873,4
3	Dự phòng ngân sách	691.000,0	3.401.000,0	5.938.000,0	5.247.000,0	859,3
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	224.010,0	445.891,1	-	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	224.010,0	224.000,0			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		221.891,1			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		14.872.541,8			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mai Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Tinh giao	Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6=4/1	7=5/2
	TỔNG THU NSNN	9.916.000,0	4.903.300,0	64.100.000,0	64.100.000,0	48.920.000,0	646,4	997,7
A	Thu cân đối ngân sách	9.916.000,0	4.903.300,0	64.100.000,0	64.100.000,0	48.920.000,0	646,4	997,7
I	Thu nội địa	9.916.000,0	4.903.300,0	64.100.000,0	64.100.000,0	48.920.000,0	646,4	997,7
1	Thu từ khu vực DNNN địa phương			200.000,0	200.000,0	200.000,0		
2	Thuế CTN-DV(NQD)	4.740.000,0	2.073.000,0	23.735.000,0	23.735.000,0	23.735.000,0	500,7	1.145,0
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.265.000,0	1.753.000,0	3.560.000,0	3.560.000,0	3.560.000,0	109,0	203,1
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	70.000,0	70.000,0	200.000,0	200.000,0	200.000,0		
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33.000,0	18.300,0	28.000,0	28.000,0	28.000,0		
6	Thu phí và lệ phí	1.128.000,0	519.000,0	2.837.000,0	2.837.000,0	2.214.000,0	251,5	426,6
	<i>Phí BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản</i>			<i>890.000,0</i>	<i>890.000,0</i>	<i>267.000,0</i>		
	<i>Phí BVMT đối với nước thải</i>			-	-			
	<i>Phí, lệ phí còn lại</i>			<i>1.947.000,0</i>	<i>1.947.000,0</i>	<i>1.947.000,0</i>		
7	Lệ phí trước bạ	625.000,0	415.000,0	10.300.000,0	10.300.000,0	10.300.000,0	1.648,0	2.481,9
8	Thu khác	55.000,0	55.000,0	5.240.000,0	5.240.000,0	2.240.000,0		
9	Thu cấp quyền sử dụng đất			18.000.000,0	18.000.000,0	6.443.000,0		
10	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản							
II	Thu từ dầu thô							
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu							
IV	Thu viện trợ							

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mai Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	34.233.000,0	296.923.000,0	262.690.000	867,4
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	34.008.990,0	296.923.000,0	262.914.010	873,1
I	Chi đầu tư phát triển			-	
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	33.317.990,0	284.542.000,0	251.224.010	854,0
1	Chi Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	60.000,0	196.206.000,0	196.146.000	327.010,0
2	Chi sự nghiệp y tế		7.048.000,0	7.048.000	
3	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	742.600,0	17.353.000,0	16.610.400	2.336,8
4	Chi sự nghiệp Văn hoá - thông tin, TTTD, THTH	134.000,0	5.175.000,0	5.041.000	3.861,9
5	Chi đảm bảo xã hội	1.357.055,0	19.128.000,0	17.770.945	1.409,5
6	Chi quản lý hành chính	24.508.477,0	32.360.000,0	7.851.523	132,0
7	Chi An ninh - Quốc phòng và đối ngoại	5.597.858,0	6.677.000,0	1.079.142	119,3
8	Chi khác	918.000,0	595.000,0	(323.000)	64,8
III	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất		6.443.000,0	6.443.000	
IV	Dự phòng ngân sách	691.000,0	5.938.000,0	5.247.000	859,3
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	224.010,0		(224.010)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-	

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2026

(Không bao gồm nguồn thu NSNN)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mai Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội Dung	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh (%)
	Tổng số	150.000,0	300.000,0	200,0
I	Thu sự nghiệp kinh tế	150.000,0	300.000,0	200,0
	- Trung tâm dịch vụ tổng hợp	150.000,0	300.000,0	200,0

Ghi chú: Đơn vị sự nghiệp có thu có thể sử dụng nguồn thu để lại (sau khi trích CCTL theo quy định) để hỗ trợ lương, phụ cấp... Cho lao động hợp đồng, chi khác....

Phụ lục III

KẾ HOẠCH CHI DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2026

(Không bao gồm nguồn chi NSNN)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mai Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội Dung	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh (%)
	Tổng số	150.000,0	300.000,0	200,0
I	Chi sự nghiệp kinh tế	150.000,0	300.000,0	200,0
	- Trung tâm dịch vụ tổng hợp	150.000,0	300.000,0	200,0

Ghi chú: Đơn vị sự nghiệp có thu có thể sử dụng nguồn thu để lại (sau khi trích CCTL theo quy định) để hỗ trợ lương, phụ cấp... Cho lao động hợp đồng, chi khác....